

Bản án số: 131/2026/HS-ST

Ngày 23 - 4 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Hòa - Bác sĩ trạm y tế xã Phong Thổ.
Ông Lý Văn Vương - Phó Chủ tịch UBMTTQ xã Phong Thổ, Bí thư đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã Phong Thổ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyên – Thư ký viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu xét xử kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 124/2026/TLST - HS ngày 04/3/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2026/QĐXXST-HS ngày 02/4/2026, Quyết định hoãn phiên **tòa số: 26/2026/HSST-QĐ ngày 14/4/2026** đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phản A T**, sinh ngày: 02/8/2005, tại: **xã S, tỉnh Lai Châu**; giới tính: nam; tên gọi khác: không; nơi cư trú: **bản D, xã S, tỉnh Lai Châu**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: **Phản A B**, sinh năm 1976; con bà: **Tân Thị N**, sinh năm 1977; gia đình bị cáo có 05 anh, chị, em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/11/2025 tại **xã S, tỉnh Lai Châu** cho đến nay. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

* Người bị hại: cháu **Vàng Thị N1**, sinh ngày 22/6/2012; *vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: **bản M, xã S, tỉnh Lai Châu.**

* Người đại diện của bị hại:

1. Bà **Lường Thị L**, sinh năm 1987; (mẹ đẻ của bị hại) *vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: **bản M, xã S, tỉnh Lai Châu.**

2. Ông **Vàng Văn L1**, sinh năm 1986; (bố đẻ của bị hại, ông **L1** ủy quyền cho bà **L** thay mặt ông); *vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: **bản M, xã S, tỉnh Lai Châu.**

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông **Phản A B**, sinh năm 1976; *có mặt.*

Địa chỉ: **bản D, xã S, tỉnh Lai Châu.**

* Những người làm chứng:

1. Anh **Lý A H**, sinh năm 2006; *vắng mặt.*

Địa chỉ: **bản D, xã S, tỉnh Lai Châu; vắng mặt.**

2. Cháu **Lò Kim T1**, sinh ngày 02/12/2010; *vắng mặt*.

Địa chỉ: **bản C, xã K, tỉnh Lai Châu**.

Người đại diện của người làm chứng **Lò Kim T1**: bà **Vàng Thị H1**, sinh năm 1990; *vắng mặt*.

Địa chỉ: **bản C, xã K, tỉnh Lai Châu**.

3. Bà **Đồng Thị H2**, sinh năm 1977; *vắng mặt*.

Địa chỉ: **Thôn T, xã P, tỉnh Lai Châu**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: khoảng 20 giờ ngày 30/8/2025, bị cáo **Phản A T** và **Lý A H** nhắn tin qua điện thoại rủ các cháu **Vàng Thị N1**, sinh ngày 22/6/2012 và **Lò Kim T1**, sinh ngày 02/12/2010 đi chơi. Do cháu **N1** có quan hệ tình cảm với **T**, còn cháu **T1** có quan hệ tình cảm với **H** nên hai cháu đồng ý và hẹn gặp nhau tại bản Mán 2, **xã S**. Sau đó, **T** điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 25B1-898.35 (của gia đình **T**), **H** điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 38B1-250.31 (xe mượn của **Lý A D**, sinh năm 2007, trú tại bản Dền Thành, **xã S**) đến gặp các cháu **N1**, **T1**. Gặp nhau nói chuyện một lúc thì **T**, **H** bảo cháu **N1** lên ngồi sau xe mô tô của **T**, cháu **T1** ngồi sau xe mô tô của **H** tiếp tục đi chơi. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, **T** và **H** chở các cháu **N1**, **T1** vào **nhà nghỉ T3** của chị **Đồng Thị H2** tại **thôn T, xã P, tỉnh Lai Châu**, mục đích để quan hệ tình dục với các cháu **N1**, **T1** nhưng **T** và **H** không nói cho nhau biết. **T** và cháu **N1** thuê phòng nghỉ số 101, **H** và cháu **T1** thuê phòng nghỉ số 102. Sau khi cháu **N1** vào phòng, **T** đóng cửa tắt điện rồi ôm cháu **N1**, thấy cháu **N1** không phản ứng, **T** cởi quần áo của cháu **N1** rồi cởi quần áo của mình, **T** đưa dương vật vào âm đạo của cháu **N1** thực hiện hành vi giao cấu khoảng 10 phút rồi xuất tinh lên vùng bụng cháu **N1**.

Đối với **H**, khi vào phòng nghỉ **H** hỏi cháu **T1** “cho anh quan hệ được không”, thấy cháu **T1** không nói gì, **H** tự cởi quần của mình rồi cởi quần của cháu **T1**, **H** đeo bao cao su (mang đi từ trước vào dương vật và thực hiện hành vi giao cấu với cháu **T1** khoảng 10 phút thì xuất tinh vào trong bao cao su. Sau khi thực hiện hành vi giao cấu, **T** và **H** nghỉ một lúc rồi đưa các cháu **N1**, **T1** về nhà.

Do nghi ngờ **T** và **H** vào nhà nghỉ thực hiện hành vi phạm tội, ngày 31/8/2025 chị **Đồng Thị H2** đã gọi điện cho **Công an xã P** tố giác hành vi của **T** và **H**. Quá trình Cơ quan điều tra thụ lý, giải quyết vụ việc, **H** và cháu **T1** được 02 bên gia đình đồng ý khi đủ tuổi sẽ tổ chức đám cưới, tháng 9/2025 **H** tiếp tục thực hiện hành vi giao cấu với cháu **T1** dẫn đến cháu **T1** có thai. Do chưa thể kết thúc điều tra đối với hành vi của **H** (chờ cháu **T1** sinh con để giám định AND xác định quan hệ huyết thống), Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách vụ án hình sự để giải quyết riêng.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ những vật chứng sau: thu giữ của **Phản A T**: 01 áo phông cổ tròn, cộc tay; 01 chiếc quần bò dài màu đen; 01 quần lót nam dạng quần đùi màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax. Thu giữ của **Vàng Thị N1**: 01 áo phông cộc tay cổ tròn, màu trắng; 01 áo lót màu vàng nhạt; 01 quần vải cạp chun màu đen; 01 quần lót màu xanh nhạt; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo. Đối với chiếc xe mô tô **T** sử dụng chở cháu **N1** đến nhà nghỉ, gia đình **T** đã mang bán để lấy tiền bồi thường dân sự nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại bản Kết luận giám định **xâm hại tình dục ở trẻ em số 96/KLTTCT-TTPYLC và Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 95/KLTDTE-TTPY** cùng ngày 09/09/2025 kết luận:

- + Trên cơ thể **Vàng Thị N1** không có vết tổn thương mới
- + Tỷ lệ phần trăm tổn thương của **Vàng Thị N1** tại thời điểm giám định là không có tổn thương, không có phần trăm.
- + Màng trinh có vết rách cũ tại vị trí 3 giờ, 7 giờ, 9 giờ. Màng trinh không có vết rách mới.
- + Bộ phận sinh dục ngoài của **Vàng Thị N1** không có dấu vết tổn thương.
- + Âm đạo của **Vàng Thị N1** không có dấu vết tổn thương.

Tại kết luận giám định số 12/KLSCT-TTPY ngày 15/01/2026 kết luận: **Vàng Thị N1** tại thời điểm giám định không có thai. Tại thời điểm giám định **Vàng Thị N1** không bị mắc bệnh truyền nhiễm như: HIV, viêm gan B, viêm gan C, lậu, giang mai.

Tại bản Kết luận giám định số 528/25/KLGĐAN-PYQG ngày 17/9/2025 của **V** kết luận: ADN thu từ mẫu số 1 (thu tại vị trí vùng tai hai bên và phía trước cổ, vùng ngực, bụng và hai vú, bộ phận sinh dục ngoài và mặt trong hai đùi của **Vàng Thị N1**) trùng hoàn toàn với ADN của **Phản A T** trên tất cả các locus STR đã phân tích. AND nam giới thu từ mẫu số 3 (áo lót của **Vàng Thị N1**) trùng hoàn toàn với AND **Phản A Thành** trên tất cả các locus STR đã phân tích.

Bản cáo trạng số 120/CT-VKSKV3 ngày 01/3/2026 của Viện kiểm sát nhân **dân khu vực 3 - Lai Châu** đã Truy tố bị cáo **Phản A T** ra trước Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu, để xét xử về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” quy định tại khoản 1 Điều 145 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, **truy tố** và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về các kết luận giám định và bản Cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 145 Bộ luật hình sự, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, **Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, Nghị quyết số 01/2022 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao** xử phạt bị cáo **Phản A T** từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” quy định tại khoản 1 Điều 145 Bộ luật Hình sự. Án định thời gian thử thách đối với bị cáo theo quy định của pháp luật. Gia bị cáo **Phản A T** cho **Ủy ban nhân dân xã S**, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong quá trình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 145 Bộ luật hình sự. Về án phí hình sự sơ thẩm: đề nghị miễn án phí cho bị cáo theo quy định

Xử lý vật chứng: **áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106** Bộ luật tố tụng hình sự: trả lại cho **Phản A T**: 01 áo phông cổ tròn, cộc tay; 01 chiếc quần bò dài màu đen; 01 quần lót nam dạng quần đùi màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax. Trả lại cho bị hại **Vàng Thị N1**: 01 áo phông cộc tay cổ tròn, màu trắng; 01 áo lót màu vàng nhạt; 01 quần vải cạp chun màu đen; 01 quần lót màu xanh nhạt; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại **Vàng Thị N1** số tiền 35.000.000 đồng, bị hại và đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận các bên đã bồi thường xong về phần dân sự.

Bị hại, người đại diện cho bị hại vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đã nhận đủ số tiền bồi thường và không có đề nghị gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông **Phàn A B** là người sở hữu chiếc xe mô tô biển kiểm soát 25B1-898.35. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định, ông **B** không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của **Phàn A T**, chiếc xe mô tô trên đã bán để lấy tiền bồi thường cho bị cáo. Tại phiên tòa ông **B** không có ý kiến gì khác và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí và không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Tại lời nói sau cùng bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh L**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu **vực 3 - Lai Châu**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến **hành tố tụng đã thực hiện** đều hợp pháp. Về tố tụng áp dụng chương VIII Luật tư pháp người chưa thành niên, Thông tư số 14/2025/TT-TANDTC ngày 30/12/2025 quy định chi tiết việc xét xử vụ án hình sự có người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng: Bị hại là người chưa thành niên thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không đề nghị người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị hại và không đề nghị người làm công tác xã hội hỗ trợ, bị hại, đại diện bị hại vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với những người làm chứng vắng mặt đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 292, 293, 308 của Bộ luật Tố tụng hình sự **tiếp tục xét xử vụ án**.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, **truy tố** và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để khẳng định: tối ngày 30/8/2025, tại **nhà nghỉ T3** thuộc **thôn T, xã P, tỉnh Lai Châu**, **Phàn A T** (là người trên 18 tuổi) đã thực hiện hành **vi** giao cấu với cháu **Vàng Thị N1**, sinh ngày 22/6/2012 (cháu **N1** mới 13 tuổi 02 tháng 08 ngày). Bị cáo **Phàn A T** là người có năng lực trách nhiệm hình sự.

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến thể chất, nhân phẩm, danh dự và sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của bị

hại được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” theo khoản 1 Điều 145 Bộ luật hình sự.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo và gia đình đã bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 35.000.000 đồng, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, bị hại và đại diện bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại **điểm b, s** khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã nhận thức rõ và rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 01/2022/NQ - HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên việc cách ly bị cáo ra ngoài xã hội là không cần thiết mà quyết định cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định; việc cho bị cáo hưởng án treo thể hiện được tính răn đe, giáo dục, tính khoan hồng của pháp luật và không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Xã hội chủ nghĩa. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức xử phạt hình sự, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và các vấn đề khác là có căn cứ nên được chấp nhận. Bị hại, đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến và đề nghị gì khác.

[4] Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình điều tra bị cáo **Phản A T** đã tự nguyện bồi thường sức khỏe, danh dự, nhân phẩm cho bị hại số tiền 35.000.000 đồng. Bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử ghi nhận việc bồi thường trách nhiệm dân sự giữa bị cáo với bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[5] Về vật chứng của vụ án: xét thấy các vật chứng thu giữ của bị cáo không liên quan đến hành vi bị cáo giao cấu với bị hại nên cần trả lại cho bị cáo, các vật chứng thu giữ của bị hại cũng phải trả lại cho bị hại; nên trả lại cho **Phản A T**: 01 áo phông cổ tròn, cộc tay; 01 chiếc quần bò dài màu đen; 01 quần lót nam dạng quần đùi màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax. Trả lại cho **Vàng Thị N1**: 01 áo phông cộc tay cổ tròn, màu trắng; 01 áo lót màu vàng nhạt; 01 quần vải cạp chun màu đen; 01 quần lót màu xanh nhạt; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo.

Đối với 02 USB chứa dữ liệu trong đó có 01 USB đã lưu theo hồ sơ vụ án, còn lại 01 USB theo biên bản giao nhận vật chứng cần giao nhận và chuyển vào lưu cùng hồ sơ của vụ án.

[6] Các vấn đề liên quan:

Đối với **Lý A H** là người cùng với **Phản A T** đưa các cháu **Vàng Thị N1**, **Lò Kim T2** vào nhà nghỉ để thực hiện hành vi giao cấu. Tuy nhiên, **H** và **T** thực hiện hành vi độc lập với nhau, không có sự bàn bạc thống nhất ý chí nên **H** không đồng phạm với **T**. Hành vi của **H** đã được tách ra giải quyết trong một vụ án khác đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra và xử lý nghiêm minh theo quy định.

Đối **Đồng Thị H2** là chủ **nhà nghỉ T3**, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định **H2** cho **T** và **H** thuê phòng theo hoạt động kinh doanh bình thường, không biết **T** và **H** thực hiện hành vi phạm tội nên không phải đồng phạm trong vụ án.

[7] Kiến nghị: Qua vụ án này kiến nghị UBND các xã trên địa bàn tỉnh Lai Châu chỉ đạo, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong quần chúng nhân dân hiểu biết pháp luật, đặc biệt các bậc phụ huynh và nhà trường cần quan tâm hơn nữa công tác quản lý, giáo dục các cháu, các con trẻ vị thành niên về kiến thức, tâm sinh lý và sức khỏe sinh sản, kỹ năng bảo vệ bản thân trước những đối tượng xấu, lợi dụng.

[8] Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, **khoản 6 Điều 15** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 145, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Điểm b khoản 3 Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Chương VIII Luật tư pháp người chưa thành niên. Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ - HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12, **khoản 6 Điều 15** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đối với bị cáo:

1. Tuyên bố bị cáo **Phản A T** phạm tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Phản A T**: 02 (hai) năm tù về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (**bốn**) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/4/2026). Trong thời gia thử thách, gia bị cáo **Phản A T** cho **Ủy ban nhân dân xã S**, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong quá trình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian chấp hành án, bị cáo **Phản A T** thực hiện nghĩa vụ của người chấp hành án theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực

hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 4 Điều 145 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

* Áp dụng điểm d khoản 1 điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

3. Về vật chứng của vụ án: trả lại cho **Phàn A T**: 01 áo phông cổ tròn, cộc tay; 01 chiếc quần bò dài màu đen; 01 quần lót nam dạng quần đùi màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax. Trả lại cho **Vàng Thị N1**: 01 áo phông cộc tay cổ tròn, màu trắng; 01 áo lót màu vàng nhạt; 01 quần vải cạp chun màu đen; 01 quần lót màu xanh nhạt; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo. Đối với 01 USB theo biên bản giao nhận vật chứng cần giao nhận và chuyển vào lưu cùng hồ sơ của vụ án. *(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L với Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Lai Châu).*

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, đại diện bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền **kháng cáo lên Tòa án nhân dân** cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 3 - Lai Châu;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - **Lai Châu**;
- Công an tỉnh Lai Châu (CSĐT);
- Công an tỉnh Lai Châu (CQ THAHS);
- Công an tỉnh Lai Châu (Phòng hồ sơ);
- Bị cáo; bị hại; người đại diện của bị hại;
- UBND xã Sin Suối Hồ, tỉnh Lai Châu;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Tuấn